

HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT ĐẦU GHI HÌNH IP J-TECH

Chữ viết tắt :

- NVR : Đầu ghi hình dùng cho camera IP.
- IPC : Camera IP .
- PC : Máy vi tính .
- User : Người sử dụng .

MỤC LỤC

1.	Cài đặt phần mềm Device Manage (phần mềm quản lý NVR và IPC).	Tr. 2	11.	Mô tả các lệnh liên quan đến Tài Khoản	Tr. 12
2.	Cài đặt IP của NVR bằng máy vi tính	Tr. 2	12.	Nhóm (user)	Tr. 12
3.	Dùng trình duyệt IE kết nối với NVR	Tr. 3	13.	Tài Khoản Người Dùng (user)	Tr. 15
4.	Vào [menu cài đặt]	Tr. 5	14.	Phần mềm vMEyeSuper trên thiết bị di động	Tr. 17
5.	Cài đặt ngày giờ NVR	Tr. 6	15.	Phần mềm vMEyeCloud trên thiết bị di động	Tr. 23
6.	Khai báo chủng loại và số lượng camera sẽ kết nối với NVR	Tr. 6	16.	Cài đặt xem qua mạng internet bằng trình duyệt web IE	Tr. 27
7.	Khai báo IPC sẽ kết nối với NVR	Tr. 7	17.	Phần mềm CMS	Tr. 29
8.	Bật chế độ ghi video của NVR	Tr. 8			
9.	Xem lại và lưu đoạn video đã được lưu trên NVR	Tr. 9			
10.	Mô tả quyền khi truy cập vào NVR	Tr. 11			

1.- Cài đặt phần mềm Device Manage (phần mềm quản lý NVR và IPC).

- ➔ Vào thư mục J-TECH NVR & IPC\Soft\DeviceManage\ trên đĩa CD.
- ➔ Chạy file Setup.exe.
- ➔ Chọn [English] ➔ click [Next] 5 lần
- ➔ Khi xuất hiện cửa sổ thông báo [Installation Successful] thì click nút [Finish] để hoàn tất.
- ➔ Nếu cài đặt thành công thì trong menu [Start][All Programs] của Windows sẽ có menu [DeviceManage]

2.- Cài đặt IP của NVR bằng máy vi tính

* Máy vi tính và NVR phải cùng kết nối với router hoặc kết nối trực tiếp với nhau.

- ➔ Chạy phần mềm DeviceManager. Click nút [IP Search] để tìm các IP tương thích với đầu ghi J-TECH.

NO.	IP Address	Port	De...	Mac Address
☐ 1	192.168.1.13	34567		00:0c:30:a4:3c:1f
☒ 2	192.168.1.20	34567		00:3e:0b:05:b2:c7
☐ 3	172.161.2.4	34567		00:3e:0b:05:51:3a
☐ 4	192.168.1.12	34567		6c:fd:b9:67:2f:1d

Buttons: IP Search, Add Device, WebBrowse, Reboot

FileName:

Configuration fields:

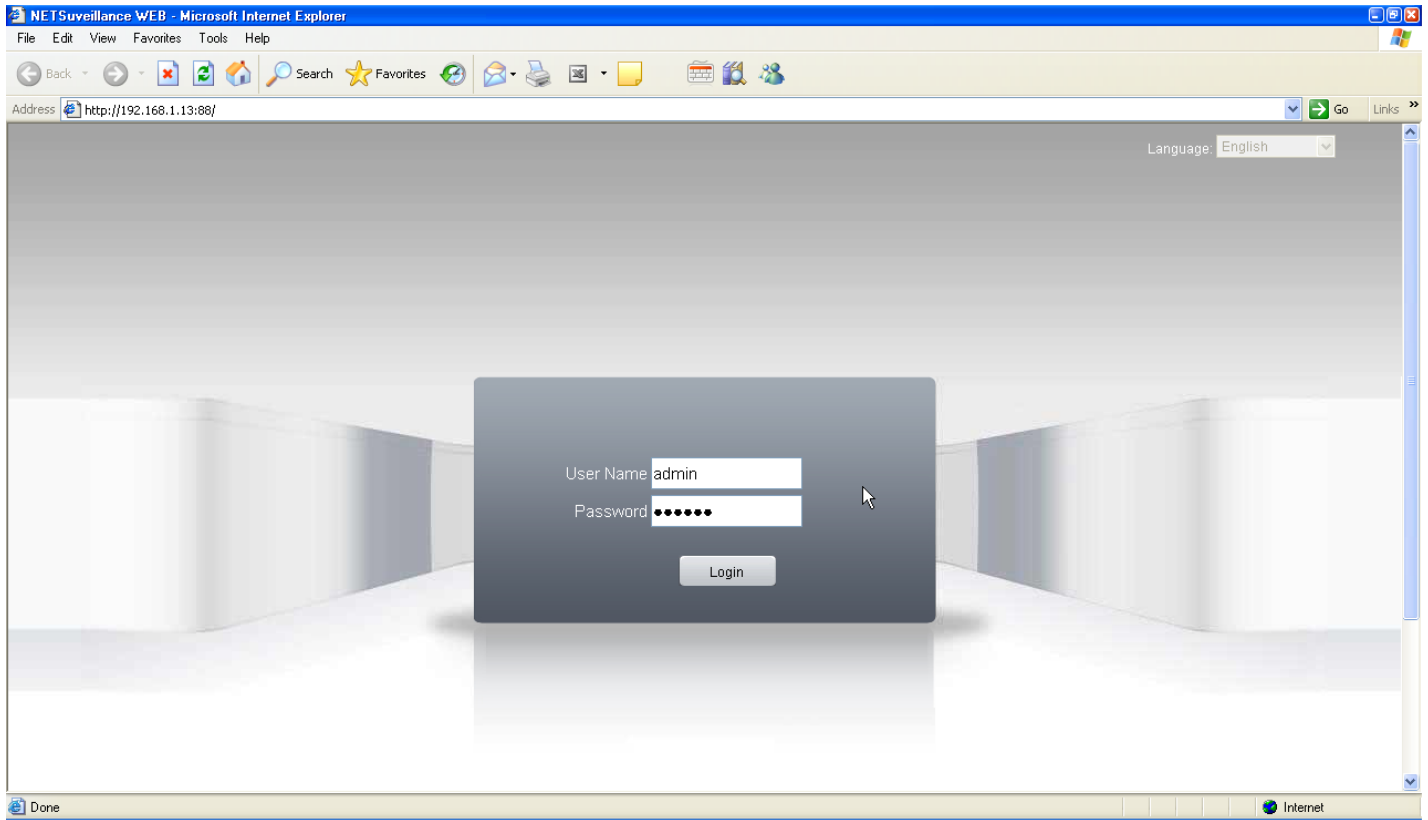
- IP Address: 192 . 168 . 1 . 20
- Subnet Mask: 255 . 255 . 255 . 0
- Gateway: 192 . 168 . 1 . 1
- SameToPc: ☐
- HTTPPort: 80
- TCPPort: 34567
- Mac Address:
- adminPsw:

Buttons: Modify, Advance, Browse, Upgrade

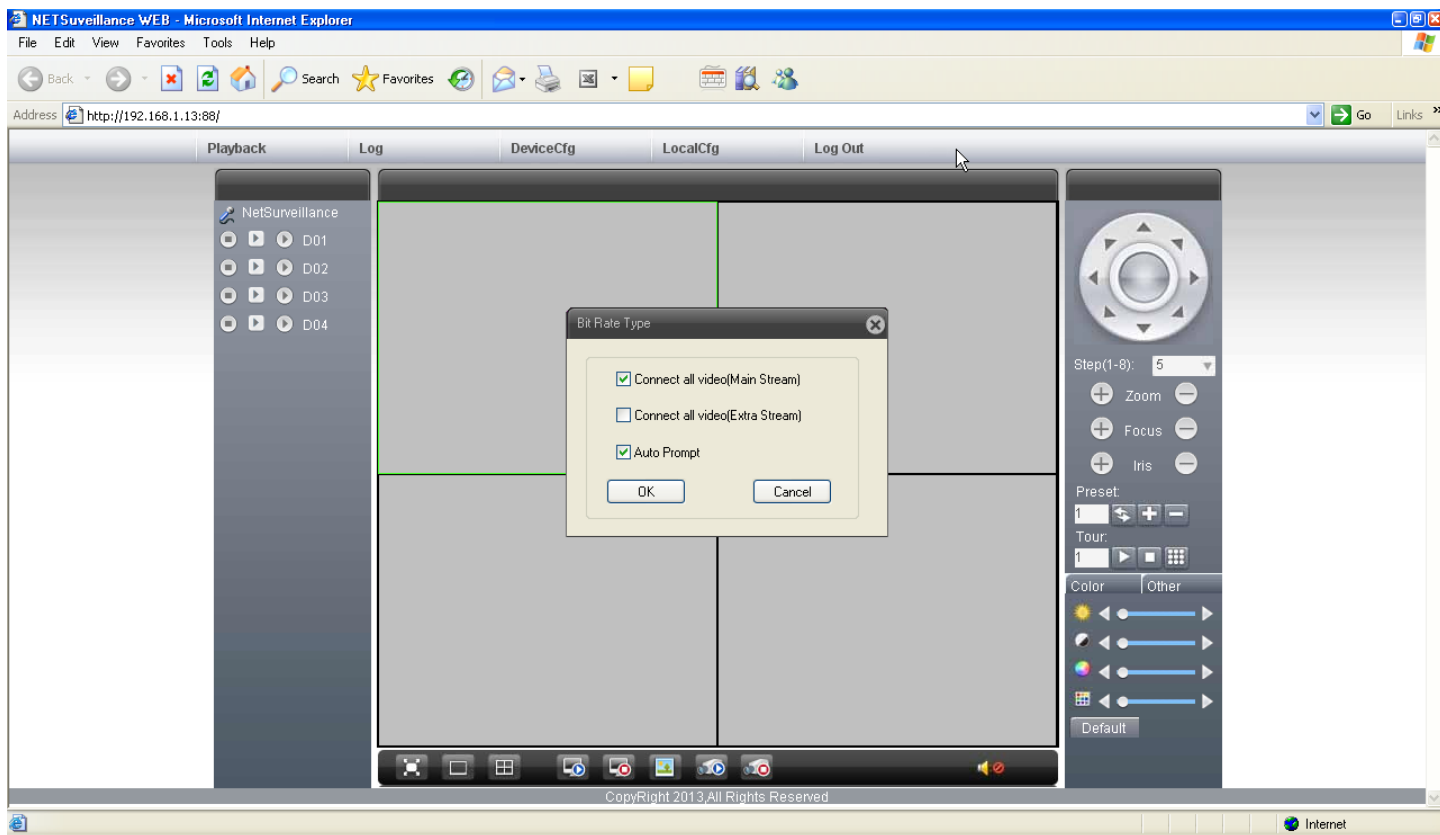
- ➔ Muốn thay đổi IP của NVR nào thì click vào dòng IP đó bên cửa sổ trái. Rồi nhập IP mới bên cửa sổ phải . Sau đó click nút [Modify] để lưu .

3.- Dùng trình duyệt IE kết nối với NVR (đăng nhập)

- Mở trình duyệt IE
- Nhập địa chỉ IP của NVR vào dòng địa chỉ → nhấn [ENTER]. Cửa sổ đăng nhập sẽ hiển thị như sau



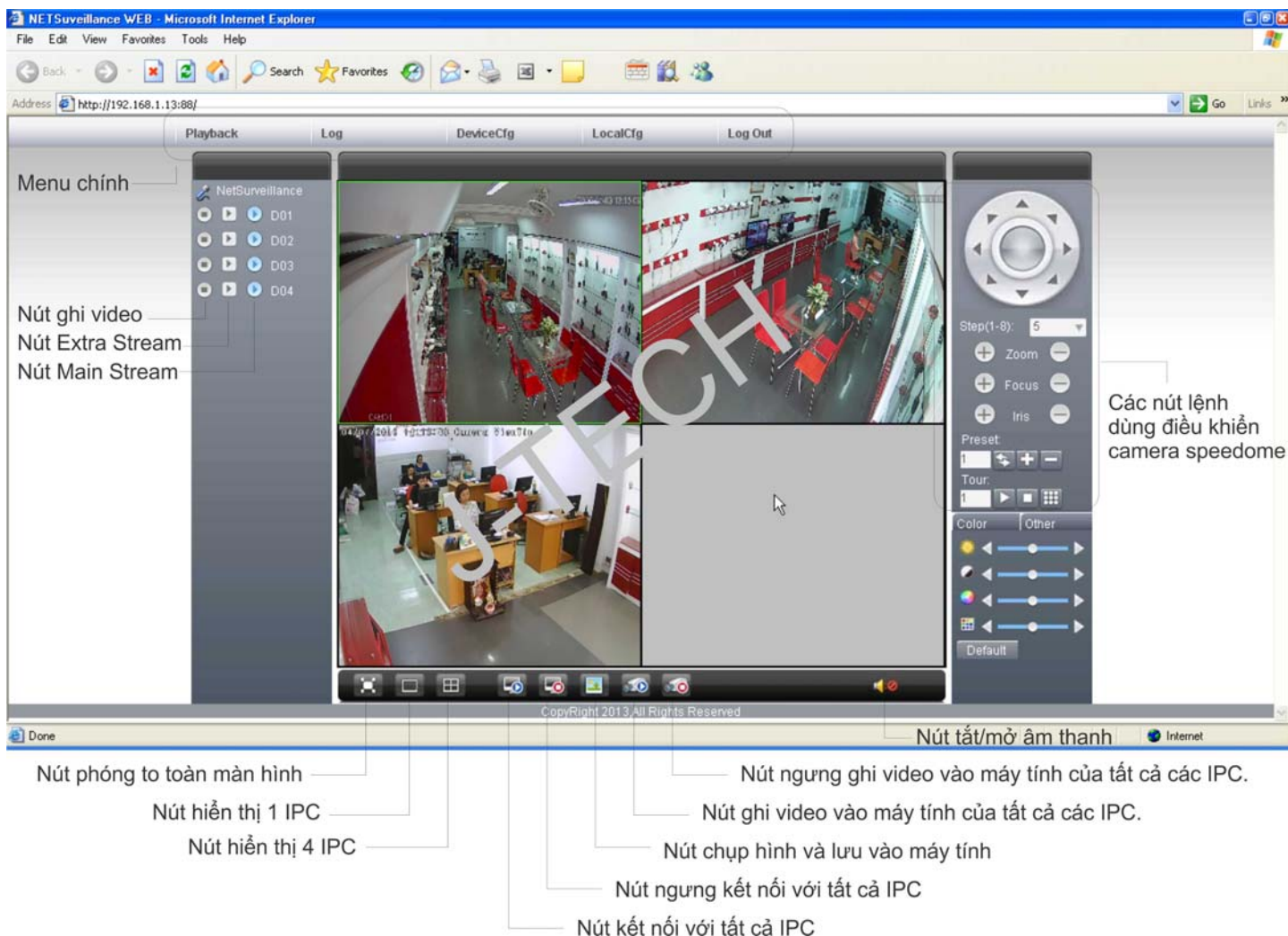
- Ô User Name : nhập admin.
- Ô Password : nhập mật mã đã cài đặt (Mặc định là không nhập gì hết).
- Click nút [Login]. Nếu nhập đúng user name và password , thì màn hình sẽ hiển thị như hình sau



	Connect all video (Main Stream)	Kết nối Main Stream sẽ cho hình ảnh chất lượng cao, phù hợp kết nối bằng trình duyệt IE với ADSL internet
	Connect all video (Extra Stream)	Kết nối Extra Stream sẽ cho hình ảnh chất lượng không cao, phù hợp kết nối bằng thiết bị di động
	Auto Prompt	Tự động kết nối với tất cả camera

➔ Click chọn [Connect all video (Main Stream)] .

➔ Click [OK]. Màn hình sẽ hiển thị hình ảnh của tất cả các IPC đã kết nối với NVR như hình bên dưới .



4.- Vào [menu cài đặt]

- ➔ Đăng nhập NVR.
- ➔ Click [DeviceCfg] trên Menu chính. Màn hình sẽ hiển thị Menu Cài Đặt như sau



[RECORD] : Khai báo các tham số liên quan đến việc ghi video lên HDD trong NVR.

[ALARM] : Khai báo các tham số liên quan đến việc cảnh báo khi mất kết nối với IPC .

[SYSTEM] Khai báo các tham số liên quan đến Ngày-giờ, mạng, chế độ hiển thị, cổng RS485, RS232.

[ADVANCED] : Khai báo các tham số liên quan đến IPC, tài khoản người dùng, ...

[INFO] Xem dung lượng HDD, số series, ...

5.- Cài đặt ngày giờ NVR

System Time 04/07/13 4:55:57 F
Date Format YYYY MM DD DST

→ Mở [menu cài đặt] .

→ Click nút [SYSTEM]  → click nút [General] .

→ Điều chỉnh ngày-giờ trong ở mục [System Time], dạng hiển thị ở mục [Date Format]

→ Click nút [OK] để lưu.

6.- Khai báo chủng loại và số lượng camera sẽ kết nối với NVR

Device config

Setting -> Advanced -> ChannelType

Các loại camera analog						Các loại camera IP						
Digital	108...	720P	96...	D1	H...	CIF	108...	720P	96...	D1	H...	CIF
☐			4									
☐				4								
☐				2			1	1				
☐											9	
☐								4				
☐							2					
☐								1			7	
☒							1	1			2	
☐							1					

Đánh dấu để chọn camera sẽ kết nối với NVR này

Hình này đang chọn : 1 IPC 1080P, 1 IPC 720P, 2 IPC D1

OK Cancel

Trước khi sử dụng NVR, User phải khai báo chủng loại và số lượng camera sẽ kết nối với NVR. Thực hiện như sau :

→ Đăng nhập

→ Mở menu cài đặt

→ Click nút [Advanced] 

→ Click nút [ChannelType]  . Cửa sổ như hình bên sẽ hiển thị .

→ Đánh dấu chọn vào dòng có chủng loại và số lượng camera phù hợp.

→ Click nút [OK] để lưu.

→ Đóng tất cả menu để trở về Cửa Sổ Chính.

7.- Khai báo IPC sẽ kết nối với NVR

- Đăng nhập
- Mở menu cài đặt



→ Click nút [Advanced]

→ Click nút [Digital Channel]



. User sẽ có Cửa Sổ sau.

Mục	Diễn Giải
Channel	Chọn kênh sẽ kết nối với IPC
Enable	Đánh dấu check để báo NVR biết có sử dụng kênh này
Time	Bỏ qua
Connect mode	Chọn <Single connect>
[Add]	Thêm IPC vào NVR
[Delete]	Xóa IPC đã khai báo bên trên
[OK]	Lưu các khai báo
[Cancel]	Bỏ qua các khai báo

- Chọn vị trí kênh sẽ kết nối với IPC trong mục [Channel].
- Đánh dấu check vào ô [Enable].
- Chọn <Single connect> trong mục [Connect mode].
- Click nút [Add] để khai báo thông số IPC. Ta sẽ có cửa sổ sau

Mục	Diễn Giải
Configuration	Bỏ qua
Device Type	Chọn <IPC>
Protocol	Chọn giao thức tương ứng với IPC
Remote	Chọn <1>
Stream	<Main stream> hình ảnh độ phân giải cao <Extra stream> hình ảnh độ phân giải thấp
IP Address	Nhập địa chỉ IP hoặc domain của IPC
Port	Nhập 34567
User name	Nhập user name của IPC
Password	Nhập password của IPC
[Search]	Tìm các IPC có trong mạng Lan
[OK]	Lưu các khai báo
[Cancel]	Bỏ qua các khai báo

- ➔ Mục Protocol của nút [Search], chọn giao thức tương ứng với IPC cần kết nối (NETIP hoặc ONVIF).
- ➔ Click nút [Search], phần mềm sẽ tìm và hiển thị địa chỉ IP của các IPC tương ứng với Protocol đã chọn.
- ➔ Click chọn dòng có địa chỉ IP của IPC cần kết nối. Sau khi IPC được chọn, các thông số của IPC sẽ hiển thị trong Vùng thông số IPC được chọn.
- ➔ Nhập user name và password của IPC.
- ➔ Click nút [OK] để lưu thông số của IPC cần kết nối và trở lại của sổ Device Config.
- ➔ Click nút [OK] lần nữa để trở ra cửa sổ Menu Chính.
- ➔ Đóng tất cả menu để trở về Cửa Sổ Chính.

*** Nếu thực hiện đúng, hình ảnh thu được từ IPC sẽ hiển thị trên Cửa Sổ Chính.

8.- Bật chế độ ghi video của NVR

Mặc định, tất cả NVR đều đã được bật chế độ ghi Video.

Cửa sổ bên dưới thể hiện tất cả IPC (Channel =All) đã được bật chế độ ghi video liên tục (Period1=00:00 – 24:00) tất cả các ngày trong tuần (Week=All).

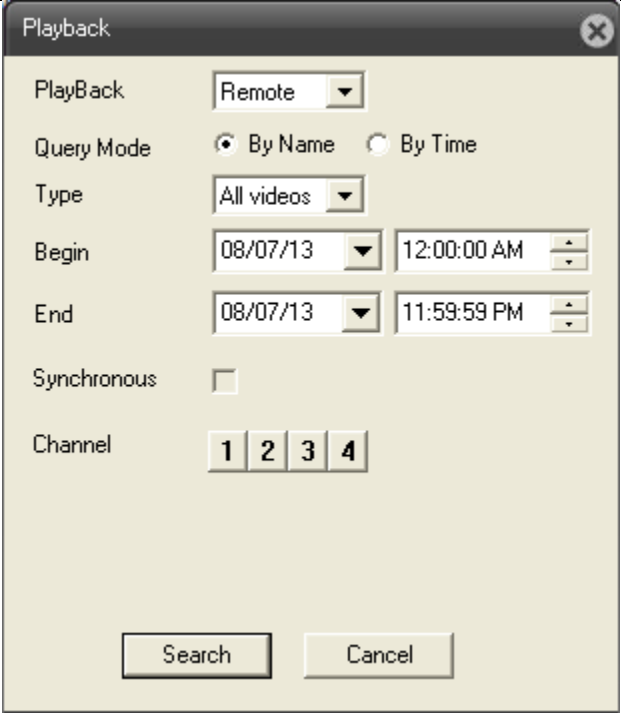
Channel	Length	Record Mode	Week	Regular	Detect	Alarm
All	60 Min	Timing	All			
Period1	00 : 00 -- 24 : 00	☒	☒	☒	☒	☒
Period2	00 : 00 -- 24 : 00	☐	☐	☐	☐	☐
Period3	00 : 00 -- 24 : 00	☐	☐	☐	☐	☐
Period4	00 : 00 -- 24 : 00	☐	☐	☐	☐	☐

*** **Redundancy** : Là chức năng ghi video song song trên hai HDD của cùng một NVR. Chức năng này thường được ngân hàng áp dụng để đảm bảo an toàn dữ liệu. Chức năng này chỉ áp dụng được trên một số model (HD1124, HD1132, ...).

9.- Xem lại và lưu đoạn video đã được lưu trên NVR

➔ Đăng nhập vào đầu ghi.

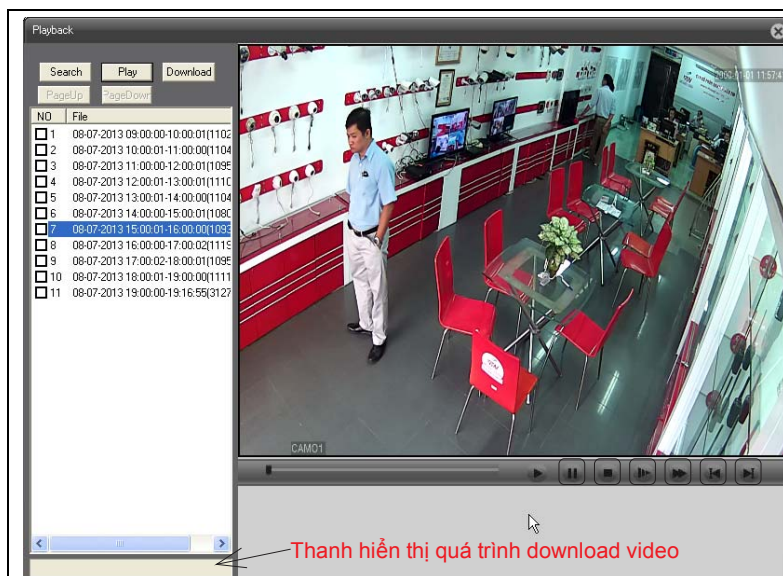
➔ Trong màn hình chính, click nút [Playback] . Màn hình Playback sẽ hiển thị như hình sau :

 Cửa sổ 5.1	Mục	Diễn Giải
	PlayBack	Chọn < Remote > nếu xem từ một máy vi tính không có cùng Router với NVR
		Chọn < Local > nếu xem từ một máy vi tính có cùng Router với NVR
	Query Mode	Chọn < By Name > : Tìm theo tên file. Tên file có dạng như sau : “ 01-07-2012 16:00:23-17:00:02 ” - 01-07-2012 là ngày của video. - 16:00:23-17:00:02 là giờ bắt đầu và kết thúc của video
	Type	Chọn < All videos >
	Begin	Chọn ngày và giờ bắt đầu của video
	End	Chọn ngày và giờ kết thúc của video
	Channel	Chọn camera cần xem (1,2,3...,32)

➔ Sau khi chọn đầy đủ các mục nêu trên, click nút [Search] , cửa sổ 5.2 sẽ hiển thị.

Bên trái cửa sổ sẽ hiển thị danh sách các file đáp ứng điều kiện tìm kiếm. Bên phải là khung hình nhỏ để hiển thị video cần tìm.

➔ Muốn xem đoạn video nào thì click đôi vào tên file tương ứng, đoạn video sẽ được phát trong cửa sổ bên phải.

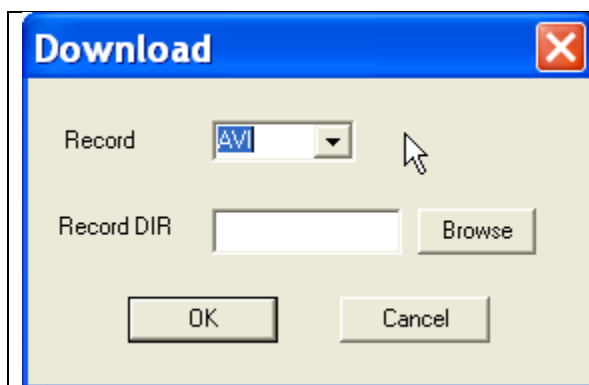


Cửa sổ 5.2

Hình	Chức Năng
	Phát video
	Tạm dừng phát video
	Dừng phát video
	Phát chậm video. Có 4 mức chậm.
	Phát nhanh video. Có 4 mức nhanh.
	Tải đoạn video về máy vi tính. Khi đang tải video, thì nút này sẽ là nút [Cancel]
	Quay trở lại cửa sổ 5.1
	Dừng tải video

*** Tải đoạn video về máy vi tính

Trong Cửa sổ 5.2, click nút [Download] . Cửa sổ Download sẽ hiển thị như hình sau



Mục	Diễn Giải
Record	Chọn <AVI>
Record DIR	Click [Browse] để chọn vị trí trên ổ cứng sẽ lưu đoạn video tải xuống.
OK	Thực hiện tải xuống
Cancel	Bỏ qua việc tải xuống. Trở về Cửa sổ 5.2

Khi click [OK], Thanh hiển thị quá trình tải video sẽ hiển thị tỷ lệ đã tải xuống của video.

10.- Mô tả quyền khi truy cập vào NVR

Người dùng có thể bỏ bớt một số quyền khi tạo Nhóm (user) hoặc Tài Khoản User mới.

Group

Name

admin

Group

admin

Memo

administrator group

29

Authority

1

SHUTDOWN

2

CHANNEL TITLE

3

SCHEDULE

4

BACKUP

5

HDD MANAGEMENT

6

ACCOUNT

7

QUERY SYSTEM INFO

8

QUERY LOG

9

CLEAR LOG

10

SYSTEM UPDATE

11

AUTO MAINTENANCE

12

GENERAL

13

ENCODE

14

RS232

15

NETWORK

16

ALARM SET

17

MOTION

18

PTZ SETTING

19

PTZ CONTROL

20

DEFAULT

21

SPEAK

22

Monitor_CH01

23

Monitor_CH02

24

Monitor_CH03

25

Monitor_CH04

26

REPLAY_CH01

27

REPLAY_CH02

28

REPLAY_CH03

29

REPLAY_CH04

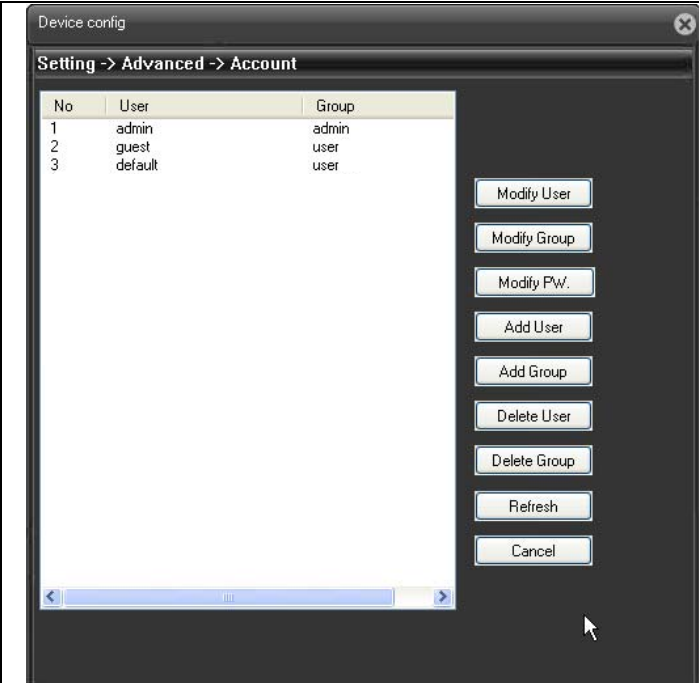
OK

Cancel

Bảng mô tả quyền của Tài Khoản Người Dùng

QUYỀN	DIỄN GIẢI
Shutdown	Tắt NVR
Channel title	Tên của camera
Schedule	Thay đổi lịch ghi video
Bakup	Tải video về máy vi tính
HDD Management	Xóa dữ liệu video trên NVR, thay đổi chế độ hoạt động của HDD, ...
Account	Thêm, xóa, thay đổi tài khoản admi, user.
Query system info	Xem thông tin của NVR
Query log	Xem thông tin tài khoản đăng nhập NVR
Clear log	Xóa thông tin tài khoản đăng nhập NVR
System update	Cập nhật firmware
Auto maintainance	Thay đổi chế độ tự động khởi động lại, chế độ xóa video trên NVR
General	Thay đổi ngày, giờ, chế độ ghi, ...
Encode	Thay đổi chế độ mã hóa video
RS232	Thay đổi thông số cổng RS232
Network	Thay đổi thông số mạng (IP, Port, ..)
Alarm set	Thay đổi chế độ cảnh báo
Motion	Thay đổi chế độ ghi hình theo chuyển động
PTZ setting	Thay đổi cài đặt của camera speed dome
PTZ control	Điều khiển camera speed dome
Default	Khôi phục các cài đặt mặc định
Speak	Âm thanh
Monitor	Xem hình ảnh thu được từ camera
Replay	Xem lại các video đã lưu trên NVR

11.- Mô tả các lệnh liên quan đến Tài Khoản

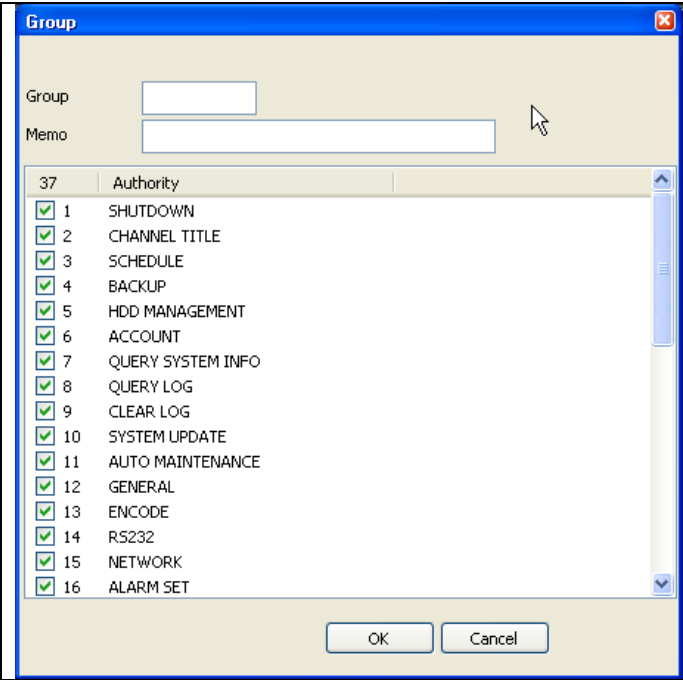


QUYỀN	DIỄN GIẢI
Modify User	Thay đổi cài đặt Tài Khoản user
Modify group	Thay đổi cài đặt Nhóm (user)
Modify PW	Thay đổi mật mã đăng nhập (password)
Add user	Thêm Tài Khoản user
Add group	Thêm Nhóm (user)
Delete user	Xóa Tài Khoản user
Delete Group	Xóa Nhóm (user)
Refresh	Hiện thị các khai báo mới nhất
Cancel	Trở về cửa sổ trước.

12.- Nhóm (user)

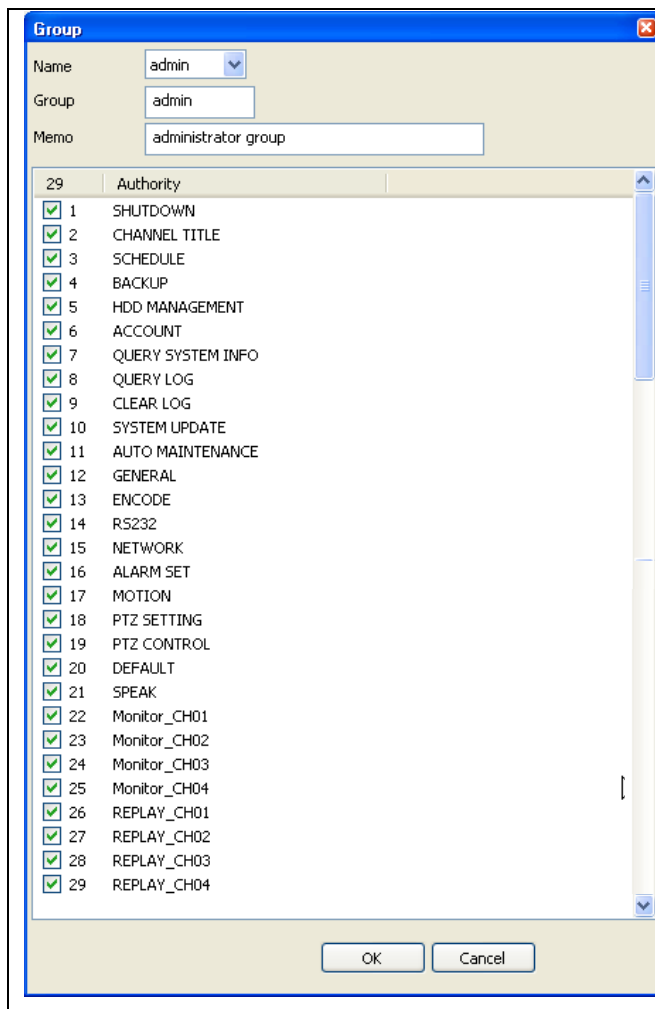
Người Dùng khi tạo tài khoản thì nên tạo Nhóm (user) trước rồi tạo user thuộc Nhóm.

12.1.- Tạo Nhóm (user)



- Đăng nhập
- Mở menu cài đặt
- Click nút [Advanced]
- Click nút [Account]
- Click nút [Add Group].
- Ô Group : Nhập tên Nhóm .
- Ô Memo : Nhập chú thích cho Nhóm.
- Chọn các quyền cho Nhóm bằng cách đánh dấu ☒ hoặc bỏ dấu ☐ .
- Click [OK] để lưu.
- Hoặc click [Cancel] để bỏ qua .

12.2.- Thay đổi cài đặt Nhóm (user)



→ Đăng nhập

→ Mở menu cài đặt

→ Click nút [Advanced]



→ Click nút [Account]



→ Click nút [Modify Group].

→ Chọn Tên Nhóm cần thay đổi trong ô Name.

→ Ô Group : Nhập tên Nhóm .

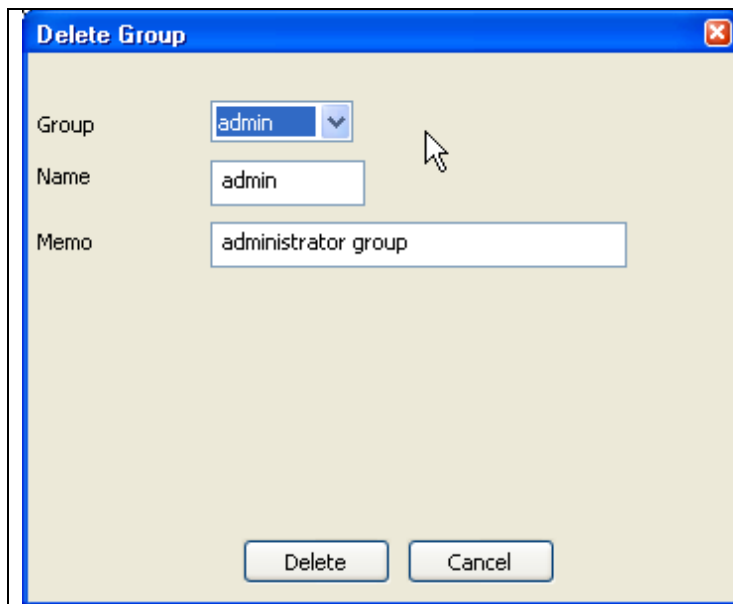
→ Ô Memo : Nhập chú thích cho Nhóm.

→ Chọn các quyền cho Nhóm bằng cách đánh dấu ☒ hoặc bỏ dấu ☐ .

→ Click [OK] để lưu.

→ Hoặc click [Cancel] để bỏ qua .

12.3.- Xóa Nhóm (user)



→ Đăng nhập

→ Mở menu cài đặt



→ Click nút [Advanced]



→ Click nút [Account]

→ Click nút [Delete Group].

→ Chọn Tên Nhóm cần xóa trong ô Group.

→ Click nút [Delete] để xóa .

13.- Tài Khoản Người Dùng (user)

Người Dùng sẽ dùng tên (user name) và mật mã (password) này để đăng nhập vào NVR. Nhà sản xuất đã tạo sẵn Tài Khoản admin có password rỗng để Người Dùng đăng nhập lần đầu sử dụng. Người Dùng nên thay đổi mật mã của Tài Khoản admin.

13.1.- Tạo Tài Khoản mới (user name mới)

No	Authority
☒ 1	SHUTDOWN
☒ 2	CHANNEL TITLE
☒ 3	SCHEDULE
☒ 4	BACKUP
☒ 5	HDD MANAGEMENT
☒ 6	ACCOUNT
☒ 7	QUERY SYSTEM INFO
☒ 8	QUERY LOG
☒ 9	CLEAR LOG
☒ 10	SYSTEM UPDATE
☒ 11	AUTO MAINTENANCE
☒ 12	GENERAL
☒ 13	ENCODE
☒ 14	RS232
☒ 15	NETWORK
☒ 16	ALARM SET
☒ 17	MOTION
☒ 18	PTZ SETTING

→ Đăng nhập

→ Mở menu cài đặt

→ Click nút [Advanced]



→ Click nút [Account]



→ Click nút [Add User].

→ Ô User Name : Nhập tên tài khoản .
(Tên tối đa 8 ký tự, gồm chữ và số viết liền nhau).

→ Ô Reuseable: Đánh dấu ☒ ô này sẽ cho phép nhiều Người Dùng sử dụng chung một tên tài khoản.

→ Ô Password : Nhập mật mã.

→ Ô Confirm : Nhập lại mật mã đã nhập trong ô Password.

→ Ô Group : Chọn tên Nhóm. Tài Khoản thuộc Nhóm nào thì có quyền của Nhóm đó .

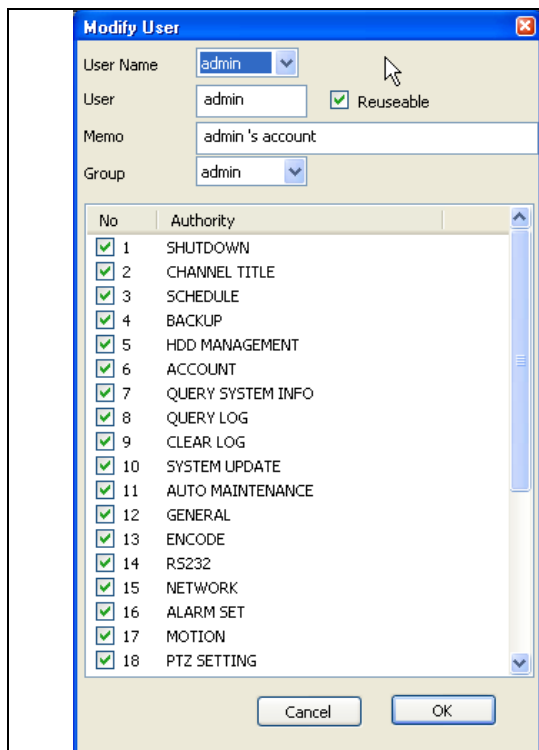
→ Ô Memo : Nhập chú thích cho Tên.

→ Chọn các quyền cho Nhóm bằng cách đánh dấu ☒ hoặc bỏ dấu ☐ .

→ Click [OK] để lưu.

→ Hoặc click [Cancel] để bỏ qua .

13.2.- Thay đổi Tài Khoản



→ Đăng nhập

→ Mở menu cài đặt

→ Click nút [Advanced]



→ Click nút [Account]



→ Click nút [Modify User].

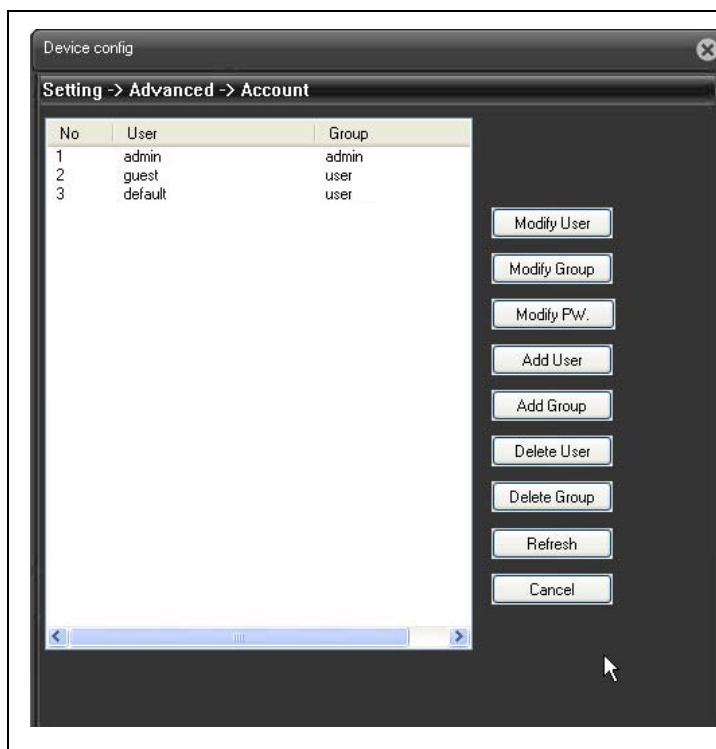
→ Ô User Name : Chọn tên tài khoản cần thay đổi.

→ Thực hiện thay đổi các thông số.

→ Click [OK] để lưu.

→ Hoặc click [Cancel] để bỏ qua .

13.3.- Xóa Tài Khoản



→ Đăng nhập

→ Mở menu cài đặt

→ Click nút [Advanced]

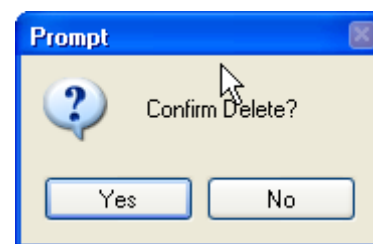


→ Click nút [Account]



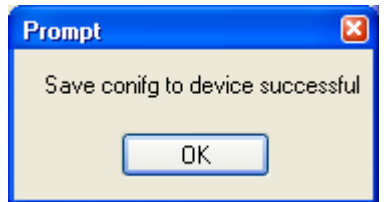
→ Chọn Tài Khoản cần xóa.

→ Click nút [Delete User].



→ Click [Yes] xóa. Click [No] không xóa.

13.4.- Thay đổi mật mã Tài Khoản

 Hình 13.4.1	→ Đăng nhập → Mở menu cài đặt → Click nút [Advanced] → Click nút [Account] → Chọn Tài Khoản cần thay đổi mật mã. → Click nút [Modify PW.]. Màn hình hiển thị hình 13.4.1.
 Hình 13.4.2	→ Ô Old Password : Nhập mật mã cũ của Tài Khoản. → Ô New Password : Nhập mật mã mới của Tài Khoản. → Ô Confirm : Nhập lại mật mã của ô New Password. → Click [OK] .
 Hình 13.4.3	→ Nếu có thông báo như hình 13.4.1 thì đã thay đổi mật mã thành công. → Nếu có thông báo “ Password error” như hình 13.4.3 thì chưa thay đổi được mật mã. Phải thực hiện lại.

14.- Sử dụng thiết bị di động (iPhone, iPad, Android phone, ...) kết nối NVR

Camera IP và đầu ghi IP hỗ trợ thiết bị di động kết nối bằng hai phần mềm :

- Phần mềm **VMeyeSuper** : kết nối với IPC và NVR bằng **domain hoặc IP tĩnh**.
- Phần mềm **VMeyeCloud** : kết nối với IPC và NVR bằng **số series** của IPC và NVR (xem hướng dẫn ở mục 15).

Trong phần này sẽ hướng dẫn cài đặt và sử dụng phần mềm VMEyeSuper.

Phần mềm VMEyeSuper có các chức năng chính sau :

- Thiết bị di động kết nối với NVR thông qua số domain hoặc IP tĩnh.
- Xem cùng lúc 4 camera IP.
- Xem lại (playback) video đã lưu trên NVR .
- Cho phép cài đặt nhiều NVR trên một thiết bị.
- Chụp hình, ghi lại video lên thiết bị.
- Chọn độ phân giải khi phát video (độ phân giải (Main stream) hoặc 320x240 (Sub stream)).

14.1- Cài đặt phần mềm vMEyeSuper lên thiết bị di động (iPhone, iPad, Android phone, ...)

→ Vào [Play Store] (trên thiết bị chạy Android) hoặc [Apple Store] (trên iPhone, iPad).

- ➔ Click nút [Search] .
- ➔ Nhập tên phần mềm “vMEyeSuper”.
- ➔ Các bước tiếp theo thực hiện tương tự mục 15.1.

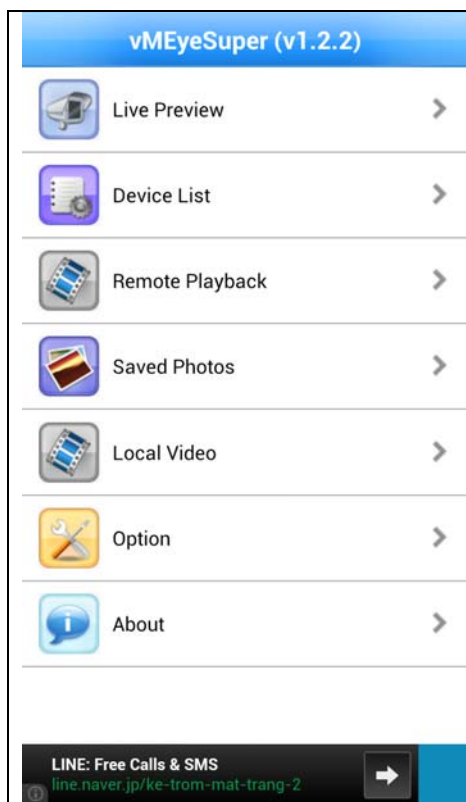
14.2- Khai báo thông số (chỉ cần nhập một lần duy nhất cho mỗi NVR hoặc IPC).

- ➔ Chạy phần mềm vMEyeSuper bằng cách click vào biểu tượng có hình camera kèm chữ vMEyeSuper

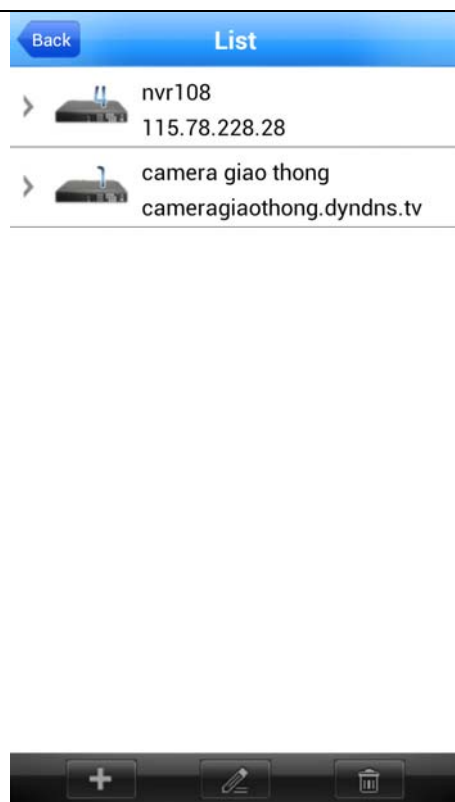


. Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.2.1.

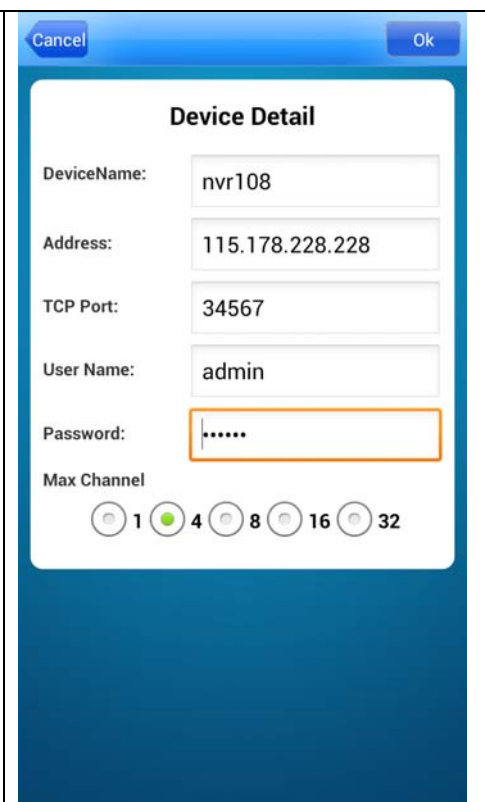
- ➔ Click mục Device List. Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.2.2.
- ➔ Click nút dấu cộng [+] để thêm thiết bị . Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.2.3.



Hình 14.2.1



Hình 14.2.2



Hình 14.2.3

	Mục	Nhập thông số
DeviceName		Nhập tên bất kỳ
Address		Nhập tên domain hoặc IP tĩnh của thiết bị.
User Name		Nhập tên đăng nhập của NVR
Password		Nhập mật mã của NVR
Max Channel		Chọn số kênh của NVR (4 hoặc 8 hoặc 16 hoặc 32)

➔ Nhập thông số như bảng trên. Nhập xong nhấn nút [OK] để lưu .

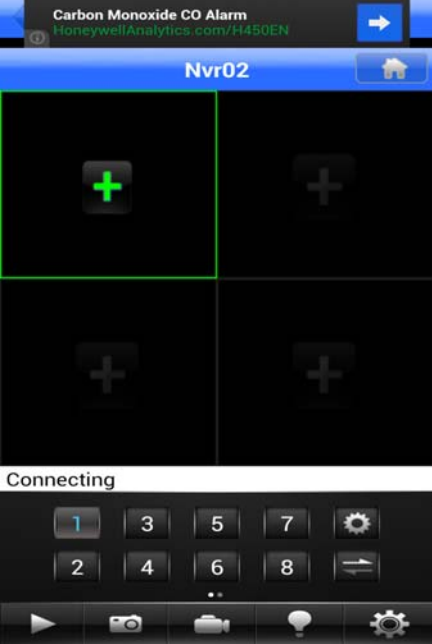
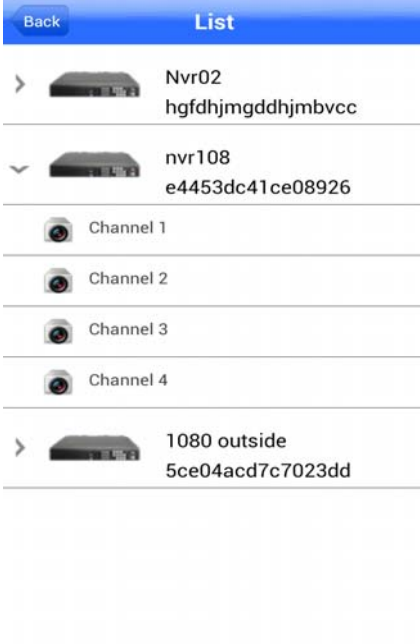
14.3- Chọn kênh (camera) của NVR hiển thị trên phần mềm

Phần mềm vMEyeSuper cho phép khai báo và lưu trữ nhiều NVR và IPC. Nhưng màn hình của vMEyeSuper chỉ hiển thị tối đa 4 kênh cùng lúc. Do đó user phải chọn kênh (camera) nào sẽ hiển thị .

- ➔ Click  để chạy phần mềm vMEyeSuper.
- ➔ Click nút [Live Preview]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.3.1 có 4 ô vuông lớn có dấu [+] ở giữa. Mỗi ô vuông này sẽ hiển thị một camera.
- ➔ Click dấu [+] trên ô vuông để chọn camera. Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.3.2.
- ➔ Click mục có tên của NVR có camera cần chọn. Danh sách các camera của NVR sẽ được liệt kê ngay bên dưới NVR.
- ➔ Click chọn camera cần kết nối. Màn hình sẽ hiển thị trở lại hình 14.3.3.
- ➔ Nếu thực hiện thành công. Màn hình sẽ hiển thị hình ảnh thu được từ IPC đã chọn .

*** Thanh trạng thái (thanh màu trắng ở ngay phía dưới các ô vuông camera) hiển thị :

- Connecting : Đang thực hiện kết nối IPC. Nếu kết nối thành công, chữ [Connecting] sẽ đổi thành [Bufering].
- Bufering : Đang tải hình ảnh .
- Playing : Đang phát video.
- Stopped : Ngắt kết nối với IPC .

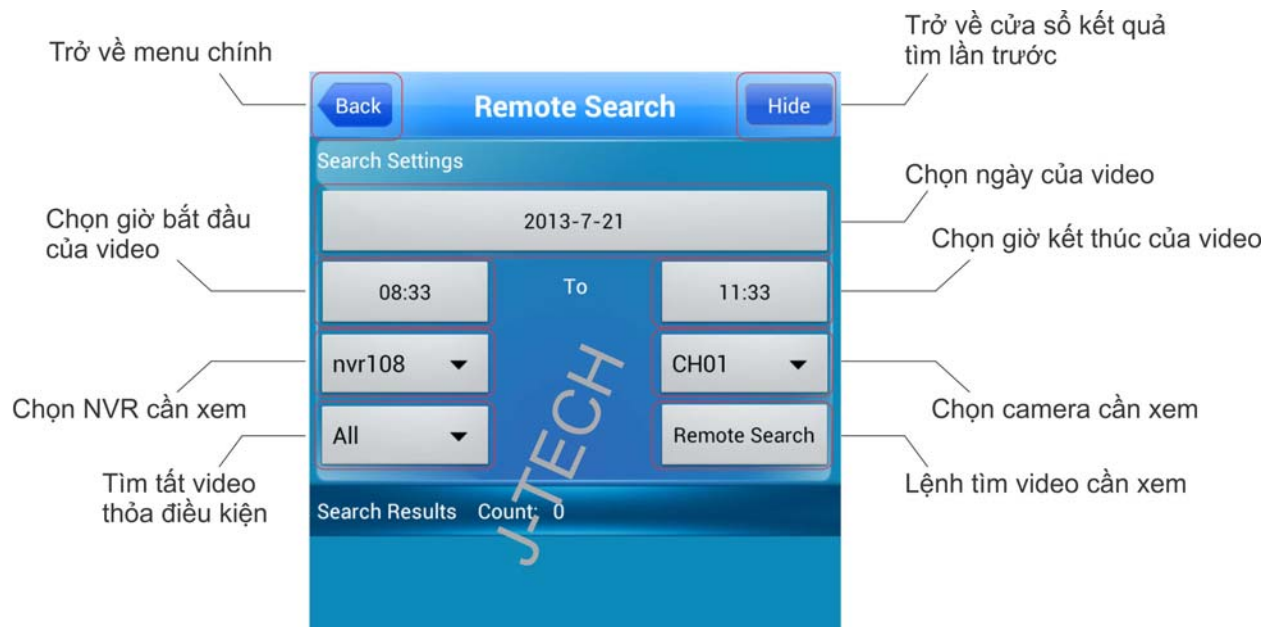
 Hình 14.3.1	 Hình 14.3.2	 Hình 14.3.3
---	--	---

Mô tả các nút lệnh trong màn hình phát video của vMEyeSuper

		Nút [Play] : Kết nối và phát hình ảnh của IPC
		Nút [Stop] : Ngừng kết nối IPC.
		Nút [Snapshot] : Chụp hình IPC và lưu trên thiết bị.
		Nút [Record] : Ghi lại video lên SD card của thiết bị.
		Nút [Alarm]
		Nút [Setup] : Mở cửa sổ cài đặt.

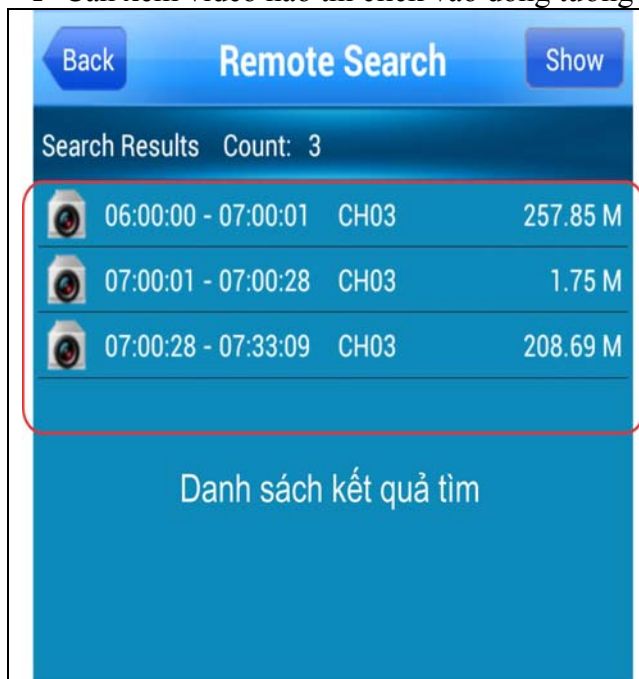
14.4- Xem lại video đã lưu trên NVR

- Chạy phần mềm vMEyeSuper.
- Click menu [Remote Playback]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.4.1.

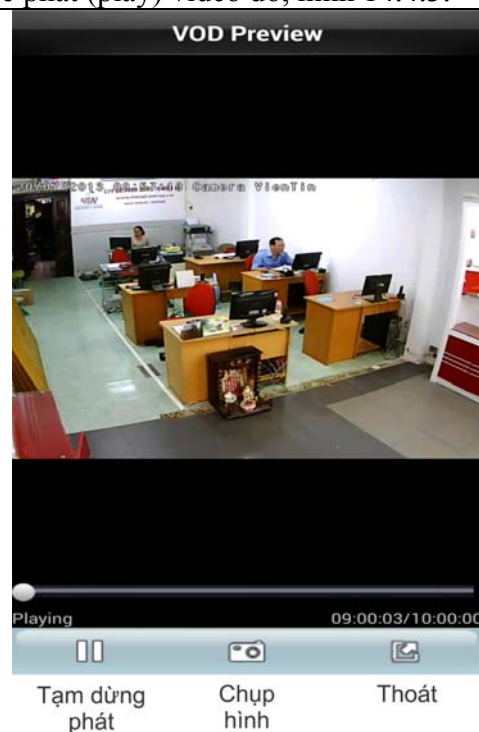


Hình 14.4.1

- Nhận các thông tin của video cần tìm (xem hình trên).
- Sau khi nhập xong thông tin, click nút [Remote Search]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.4.2. Danh sách các video thỏa điều kiện tìm sẽ được liệt kê trong danh sách kết quả tìm (bên dưới chữ “Search Results”).
- Cần xem video nào thì click vào dòng tương ứng. Màn hình sẽ phát (play) video đó, hình 14.4.3.



Hình 14.4.2

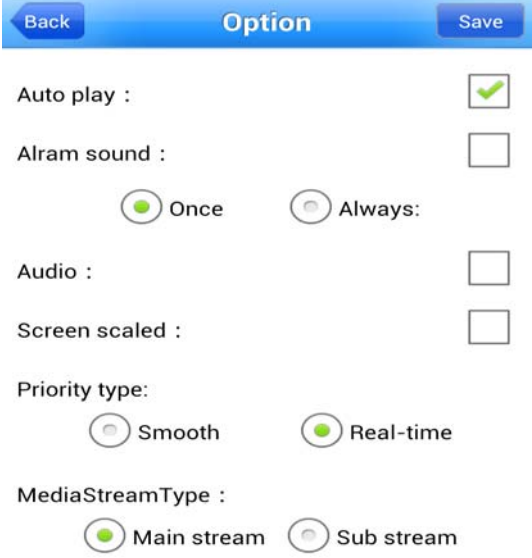


Hình 14.4.3

14.5- Chọn độ phân giải khi phát video trên phần mềm.

Phần mềm vMEyeSuper cho phép chọn độ phân giải khi phát video :

- Độ phân giải thực của IPC (Main stream). Thích hợp khi thiết bị di động kết nối internet bằng wifi.
- Độ phân giải thấp của IPC (Sub stream, mặc định). Thích hợp khi thiết bị di động kết nối internet bằng 3G.

 Hình 14.5.1	➔ Trong menu chính, click menu [Option] . Màn hình sẽ hiển thị như hình 14.5.1 . ➔ Muốn chọn độ phân giải cao, ở mục MediaStreamType, đánh dấu chọn [Main stream] . ➔ Muốn chọn độ phân giải thấp, ở mục MediaStreamType, đánh dấu chọn [Sub stream] . ➔ Nhấn nút [Save] để lưu . ➔ Nhấn nút [Back] để trở về menu chính .
---	---

15.- Phần mềm vMEyeCloud trên thiết bị di động (iPhone, iPad, Android phone, ...) .

Trên thiết bị di động, thông qua phần mềm **vMEyeCloud**, đầu ghi IP J-TECH cho phép :

- Thiết bị di động kết nối trực tiếp với NVR thông qua số Series của NVR . Không cần dịch vụ trung gian như dns.com, NoIp,
- Xem cùng lúc 4 camera IP.
- Xem lại (playback) video đã lưu trên NVR (khi dùng phần mềm vMEyeSuper).
- Cho phép cài đặt nhiều NVR trên một thiết bị.

15.1- Cài đặt phần mềm vMEyeCloud lên thiết bị di động (iPhone, iPad, Android phone, ...)

➔ Vào [Play Store] (trên thiết bị chạy Android) hoặc [Apple Store] (trên iPhone, iPad)

➔ Click nút [Search] 🔍 .

➔ Nhập tên phần mềm “**vMEyeCloud**” .

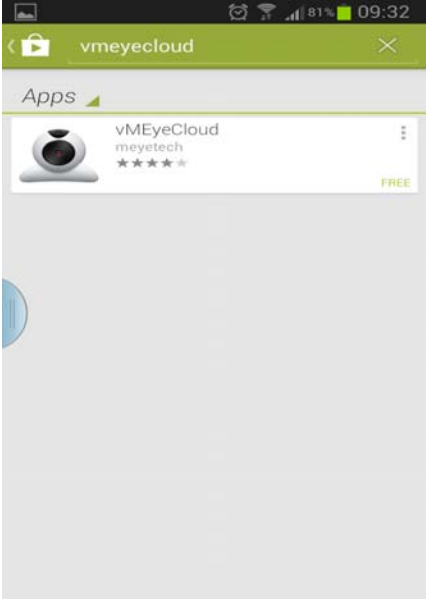
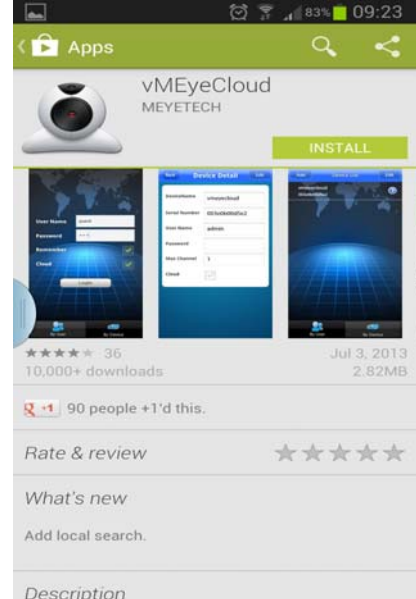
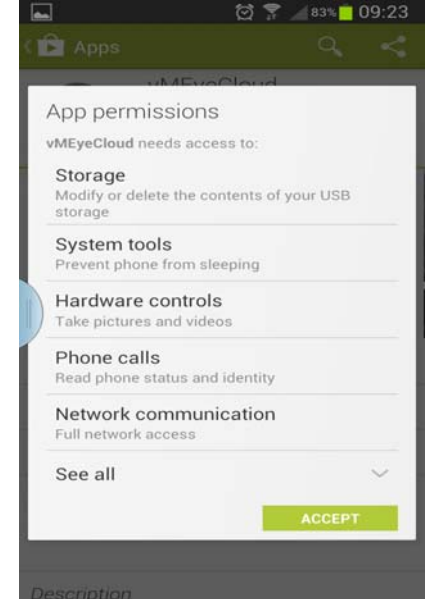
➔ Click nút [Search] 🔍 . Kết quả sẽ giống hình 15.1.1.

➔ Click dòng kết quả có chữ **vMEyeCloud** . Kết quả sẽ giống hình 15.1.2.

➔ Click nút [INSTALL]. Kết quả sẽ giống hình 15.1.3.

➔ Click nút [ACCEPT] để chấp nhận cài đặt phần mềm vào máy.

- ➔ Hình 15.1.4 thể hiện phần mềm vMEyeCloud đang được cài đặt vào máy.
- ➔ Khi vMEyeCloud đã cài đặt xong, màn hình hiển thị như hình 15.1.5 có dòng chữ “Successfully installed vMEyeCloud” ở vị trí trên cùng.
- ➔ Hình 15.1.6 hiển thị biểu tượng của phần mềm vMEyeCloud .

		
Hình 15.1.1	Hình 15.1.2	Hình 15.1.3
		 Biểu tượng của phần mềm vMEyeCloud
Hình 15.1.4	Hình 15.1.5	Hình 15.1.6

15.2- Khai báo thông số (chỉ cần nhập một lần duy nhất cho mỗi NVR hoặc IPC).

- ➔ Click  để chạy phần mềm vMEyeCloud. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.2.1.
- ➔ Click nút [By Device]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.2.2.
- ➔ Click nút [Add]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.2.3.



Hình 15.2.1



Hình 15.2.2



Hình 15.2.3



Mục	Nhập thông số
DeviceName	Nhập tên bất kỳ
Connection	P2P
Serial No.	Nhập số series của NVR. * Tìm số series này trong menu INFO>VERSION (xem chi tiết ở mục 15.3 trong tài liệu này)
User Name	Nhập tên đăng nhập của NVR
Password	Nhập mật mã của NVR
Max Channel	Nhập số kênh của NVR (4 hoặc 8 hoặc 16 hoặc 32)
Cloud	Đánh dấu chọn

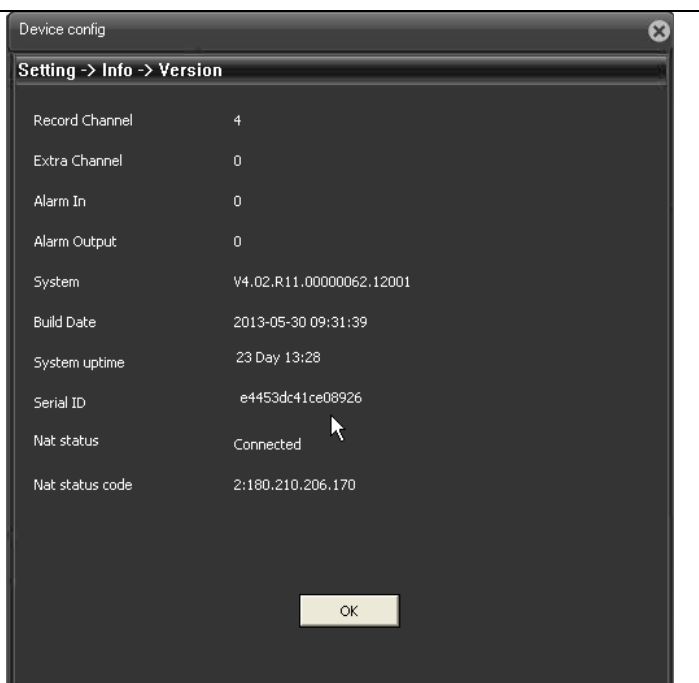
- ➔ Nhập thông số như bảng trên. Nhập xong nhấn nút [OK] để lưu .

15.3- Tìm số series của NVR.

- ➔ Đăng nhập vào NVR.
- ➔ Click nút [Device Cfg] để mở menu chính.
- ➔ Click nút [Info]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.3.1
- ➔ Click nút [Version]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.3.2.
- ➔ Mục Serial ID là số series của NVR.



Hình 15.3.1 : Menu Info



Hình 15.3.2 : Serial ID

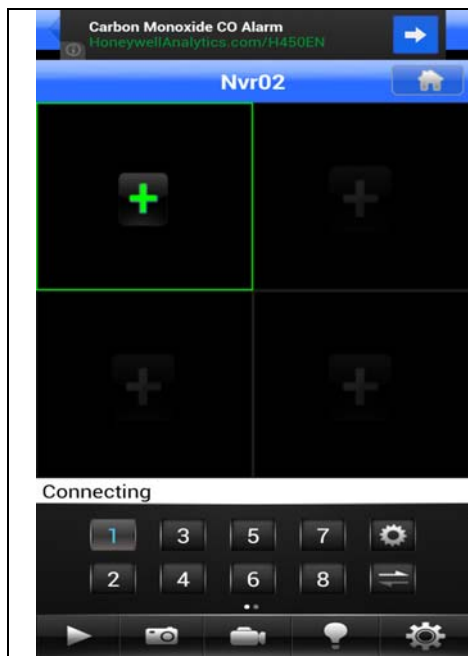
15.4- Chọn kênh (camera) của NVR

Phần mềm vMEyeCloud cho phép khai báo và lưu trữ nhiều NVR và IPC. Nhưng màn hình của vMEyeCloud chỉ hiển thị tối đa 4 kênh cùng lúc. Do đó user phải chọn kênh nào sẽ hiển thị .

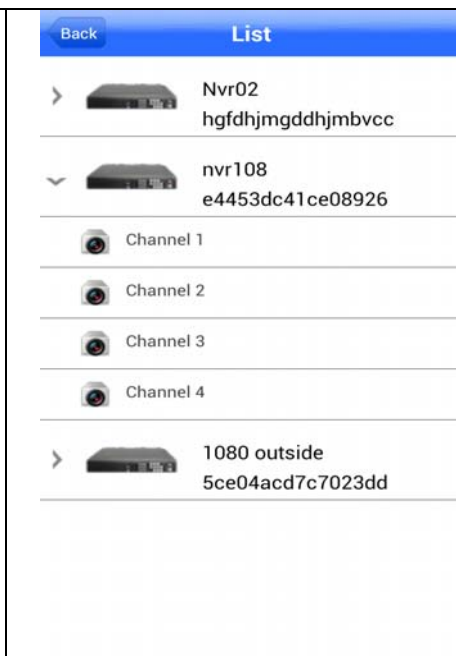
- ➔ Click  để chạy phần mềm vMEyeCloud. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.2.1.
- ➔ Click nút [By Device]. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.2.2.
- ➔ Click mục có tên của NVR cần xem camera. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.4.1.
- ➔ Click dấu [+] để chọn camera. Màn hình sẽ hiển thị như hình 15.4.2.
- ➔ Click mục có tên của NVR có camera cần chọn. Danh sách các camera của NVR sẽ được liệt kê như hình 15.4.3 .
- ➔ Click chọn camera. Màn hình sẽ hiển thị trở lại hình 15.4.1.
- ➔ Nếu thực hiện thành công. Màn hình sẽ hiển thị hình ảnh thu được từ IPC đã chọn (hình 15.4.3).

*** Thanh trạng thái (thanh màu trắng) hiển thị :

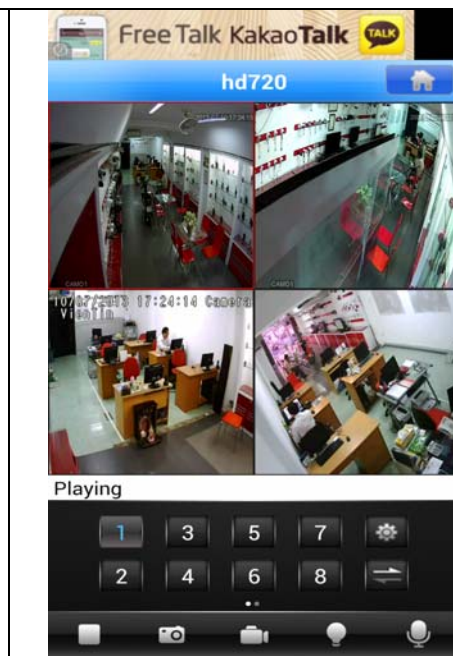
- Connecting : Đang thực hiện kết nối IPC. Nếu kết nối thành công, chữ [Connecting] sẽ đổi thành [Bufering].
- Bufering : Đang tải hình ảnh .
- Playing : Đang phát video.
- Stopped : Ngắt kết nối với IPC .



Hình 15.4.1



Hình 15.4.2



Hình 15.4.3

Mô tả các nút lệnh trong màn hình phát video của vMEyeCloud



Hình 15.4.4

	Nút [Play] : Kết nối và phát hình ảnh của IPC
	Nút [Stop] : Ngừng kết nối IPC.
	Nút [Snapshot] : Chụp hình IPC.
	Nút [Record] : Ghi lại video lên SD card của thiết bị.
	Nút [Alarm]
	Nút [Setup] : Mở cửa sổ cài đặt.

16.- Cài đặt xem qua mạng internet bằng trình duyệt web IE

NVR của J-TECH cho phép máy vi tính và thiết bị di động kết nối trực tiếp thông qua số Serial của NVR và phải cài đặt phần mềm.

- Trên máy vi tính thì cài phần mềm CMS (xem mục 16).
- Trên thiết bị di động thì cài phần mềm vMEyeCloud (xem mục 15).

Nếu dùng trình duyệt web Internet Explorer để kết nối với NVR thì phải :

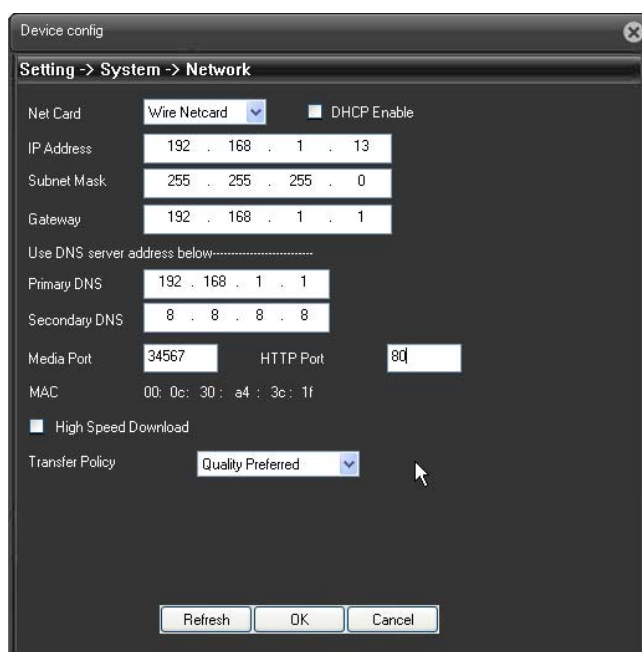
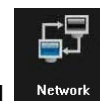
- Khai báo thông số trên NVR (địa chỉ IP, port, ...).
- Tạo tên miền (nếu đã có IP tĩnh thì không cần khai báo mục này).
- Khai báo thông số cho modem ADSL.

16.1.- Khai báo thông số trên NVR (địa chỉ IP, port, ...).

➔ Đăng nhập vào NVR bằng máy vi tính.



➔ Click nút [DeviceCfg] ➔ Click nút [System] ➔ Click nút [Network]



Net Card	Wire Netcard
IP Address	Nhập địa chỉ IP cho NVR
Subnet Mask	Nhập địa chỉ Subnet mask cho NVR
Gateway	Nhập IP của Router (ví dụ: 192.168.1.1)
Primary DNS	IP của nhà cung cấp mạng. (nếu không biết thì gõ theo Gateway)
Second DNS	
Media Port	Mặc định là 34567
HTTP port	Mặc định là 80

Lưu ý : Khi cài đặt IP address, Subnet mask, Gateway, DNS : cần phải cài đặt sao cho cùng với lớp mạng nơi lắp đầu ghi .

16.2.- Tạo tên miền (domain)

* Nên sử dụng tên miền của **dyndns.org**.

* Máy tính thực hiện khai báo tên miền phải có cùng mạng LAN với DVR .

- Vào website www.dyn.com, đăng ký tài khoản ➔ đăng nhập vào email để kích hoạt ➔ đăng nhập vào tài khoản.

- Click [My Services] ➔ click hình có chữ [DynDNS Pro/Host] ➔ click menu [Add New Hostname].

Màn hình sẽ hiển thị như sau :

Add New Hostname

[↑ Host Services](#)

Great news! You have an active [DynDNS Pro service](#) in your account and are able to use any VIP features of our Host Service.

Hostname:	jtech . dyndns.org
Wildcard:	☐ create "*.host.dyndns-yourdomain.com" alias (for example to use same settings for www.host.dyndns-yourdomain.com)
Service Type:	☒ Host with IP address ☐ WebHop Redirect (URL forwarding service) ☐ Offline Hostname
IP Address:	192.168.1.188 Your current location's IP address is
	IPv6 Address (optional):
	TTL value is 60 seconds. Edit TTL...
Mail Routing:	☐ I have mail server with another name and would like to add MX hostname...

Activate

- Nhập các thông số sau :

- + Host name : Khung 1 nhập [tên host] (ví dụ : jtech), khung 2 chọn [dyndns.org].
- + Wildcard : Để mặc định.
- + Services type : Chọn [Host with IP address] .
- + IP Address : Click [Your current location's IP] để cập nhật IP .
- + Click nút [Active] để lưu.

Nếu thành công sẽ có cửa sổ với thông báo “ [Hostname jtech.dyndns.org created](#) “

16.3.- Khai báo thông số cho modem ADSL

** Hướng dẫn này dựa trên modem Linksys WRH54G .

➔ Đăng nhập vào modem ➔ Click [Advance Setup] ➔ Click [Applications & Gaming] ➔ [Port Ranger Forwarding] . Màn hình sẽ hiển thị như sau :

Applications & Gaming Wireless-G Home Router WRH54G

Setup Wireless Security Access Restrictions Applications & Gaming Administration Status

Single Port Forwarding | Port Range Forwarding | Port Triggering | UPnP | DMZ

Port Range Forwarding

Port Range					
Application	Start	End	Protocol	IP Address	Enable
JTECH	34568	34568	Both	192.168.1.188	☒

Port Range Forwarding:
Certain applications may require to open specific ports in order for it to function correctly. Examples of these applications include servers and certain online games. When a request for a certain port comes in from the Internet, the router will route the data to the computer you specify. Due to security concerns, you may want to limit port forwarding to only those ports you are using, and uncheck the **Enable** checkbox after you are finished.
More...

Save Settings Cancel Changes

CISCO

- Nhập các thông số sau
 - o Application : nhập tên bất kỳ.
 - o Start : 34567
 - o End : 34567
 - o IP address : Nhập địa chỉ IP của NVR
 - o Click nút [Save Sttings] để lưu .

* Nếu modem nào có chức năng tường lửa (Firewall) thì phải tắt (disable)

17.- Phần mềm CMS

17.1 Cài đặt phần mềm CMS lên máy tính

- ➔ Click đôi vào file General\CMS_xxx.exe để bắt đầu cài đặt.
- ➔ Click nút [Next] cho đến khi có thông báo hoàn thành .
- ➔ Click [OK].

17.2 Đăng nhập vào CMS



Login

User Name:

Password:

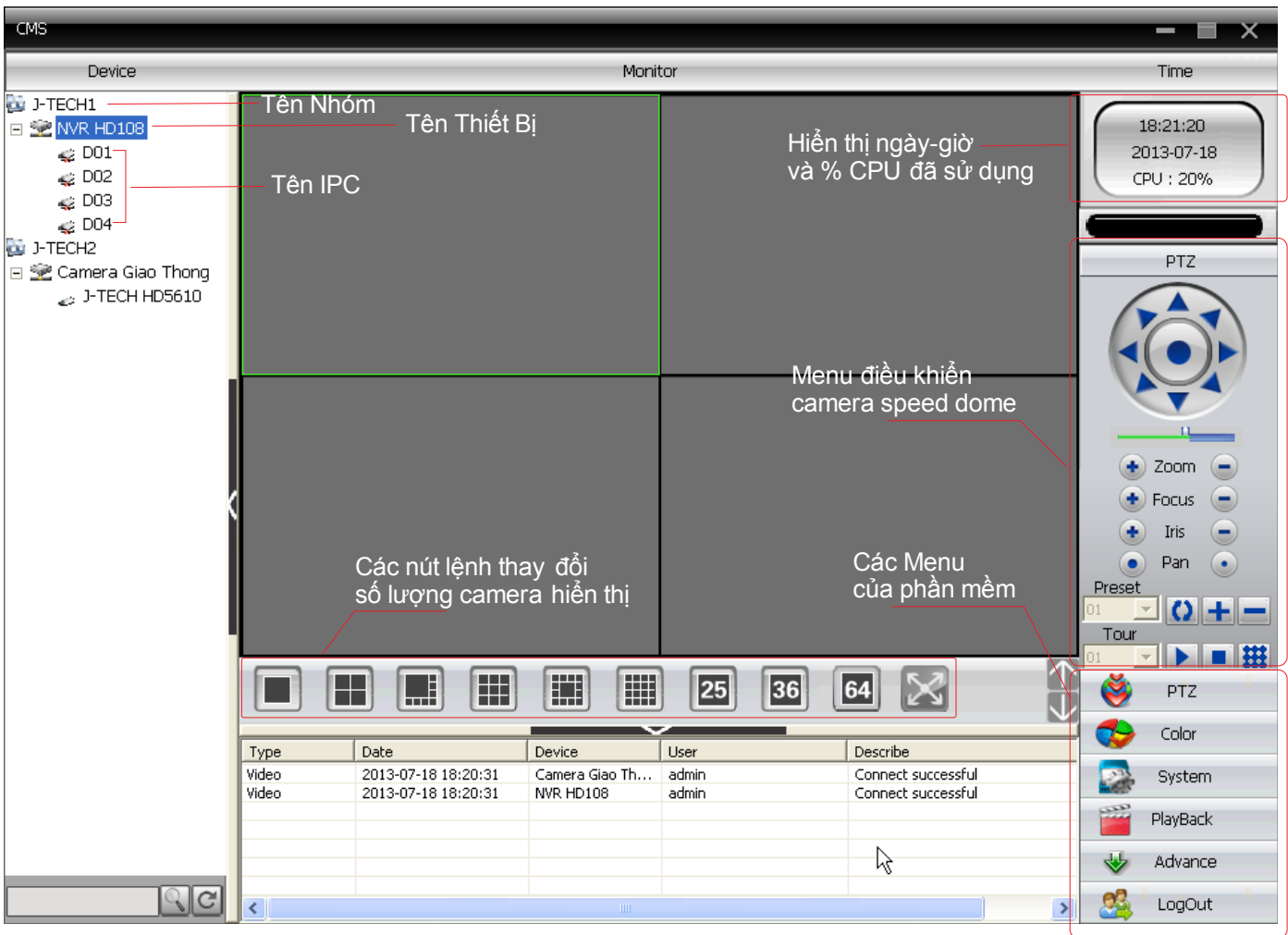
☐ Save Password ☐ Auto Login

Click đôi biểu tượng  để chạy phần mềm CMS

Nhập tên đăng nhập vào ô User Name (mặc định là super)

Nhập mật mã vào ô Password (mặc định là rỗng)

Click nút [Login] để đăng nhập. Nếu đăng nhập thành công. Màn hình sẽ hiển thị như hình bên dưới.



Device

Monitor

Time

J-TECH1

NVR HD108

D01

D02

D03

D04

J-TECH2

Camera Giao Thông

J-TECH HD5610

Tên Nhóm

Tên Thiết Bị

Tên IPC

Hiện thị ngày-giờ và % CPU đã sử dụng

Menu điều khiển camera speed dome

Các nút lệnh thay đổi số lượng camera hiển thị

Các Menu của phần mềm

18:21:20

2013-07-18

CPU : 20%

PTZ

Zoom

Focus

Iris

Pan

Preset

Tour

PTZ

Color

System

PlayBack

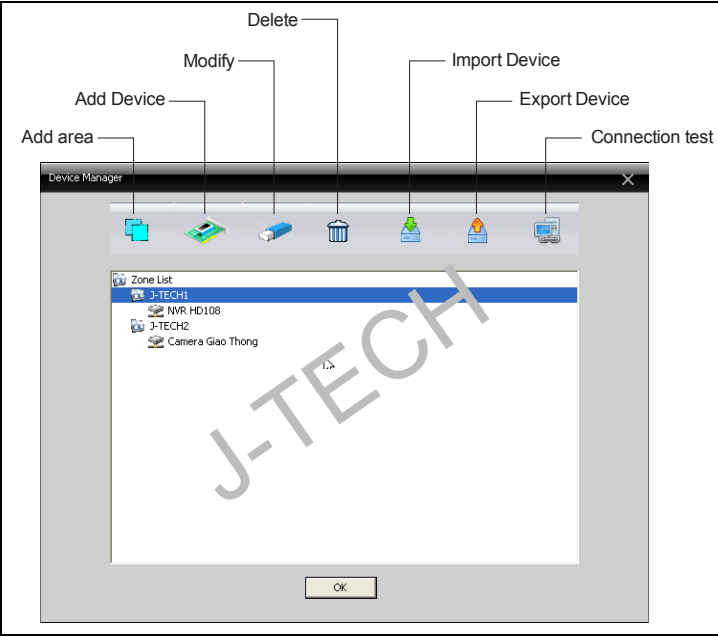
Advance

LogOut

Type	Date	Device	User	Describe
Video	2013-07-18 18:20:31	Camera Giao Th...	admin	Connect successful
Video	2013-07-18 18:20:31	NVR HD108	admin	Connect successful

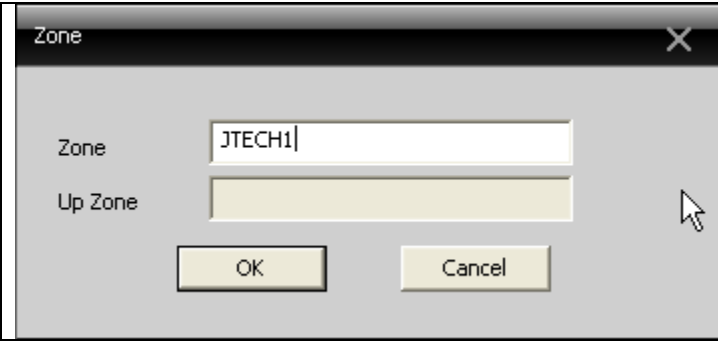
17.3- Khai báo kết nối với NVR

➔ Click nút [System] ➔ Click [Device Manager] . Cửa sổ Device Manager sẽ hiển thị như hình bên dưới.



Add area	Thêm tên Nhóm (Nhóm có thể chứa nhiều NVR hoặc IPC)
Add Device	Thêm NVR vào nhóm.
Modify	Thay đổi các thông số của NVR
Delete	Xóa NVR
Import Device	Thêm NVR bằng cách lấy thông số từ file.bin có sẵn
Export Device	Lưu các thông số của NVR ra file.bin
Connection Test	Kiểm tra kết nối

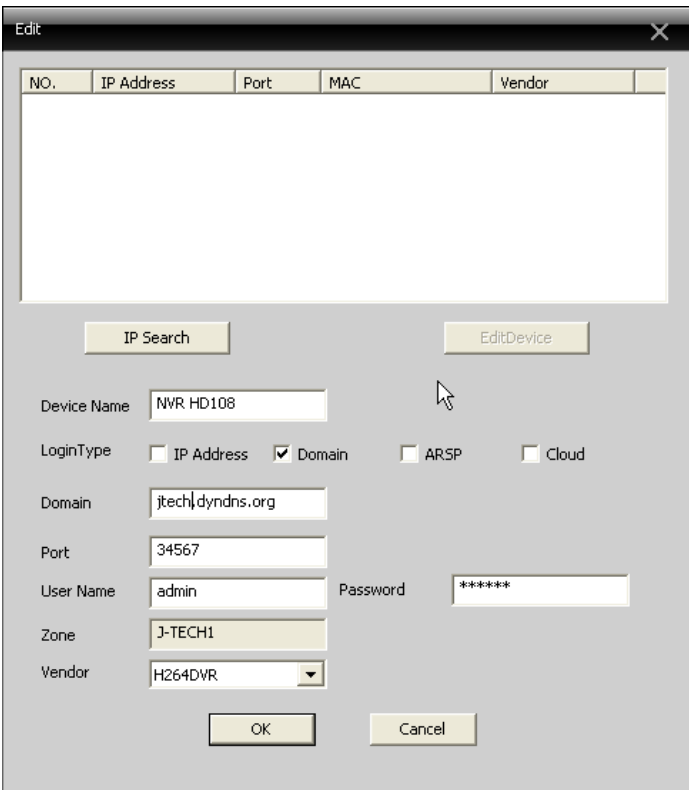
➔ Thêm tên Nhóm bằng cách click nút Add Area



➔ Nhập tên Nhóm vào ô Zone.

➔ Click [OK]

➔ Thêm NVR vào phần mềm : Click chọn tên Nhóm ➔ click nút [Add Device] . Cửa sổ sẽ hiển thị như hình bên dưới.

	Device Name	Đặt tên của NVR
	LoginType + IP Address + Domain + Cloud	Domain + Nhập địa chỉ IP tĩnh của NVR + Nhập tên miền của NVR + Nhập số serial của NVR
	Port	Nhập số Media Port của NVR (mặc định là 34567)
	User Name	Nhập tên đăng nhập của NVR (mặc định là admin)
	Password	Nhập mật mã của NVR (mặc định là rỗng)
	Vender	Chọn H264DVR

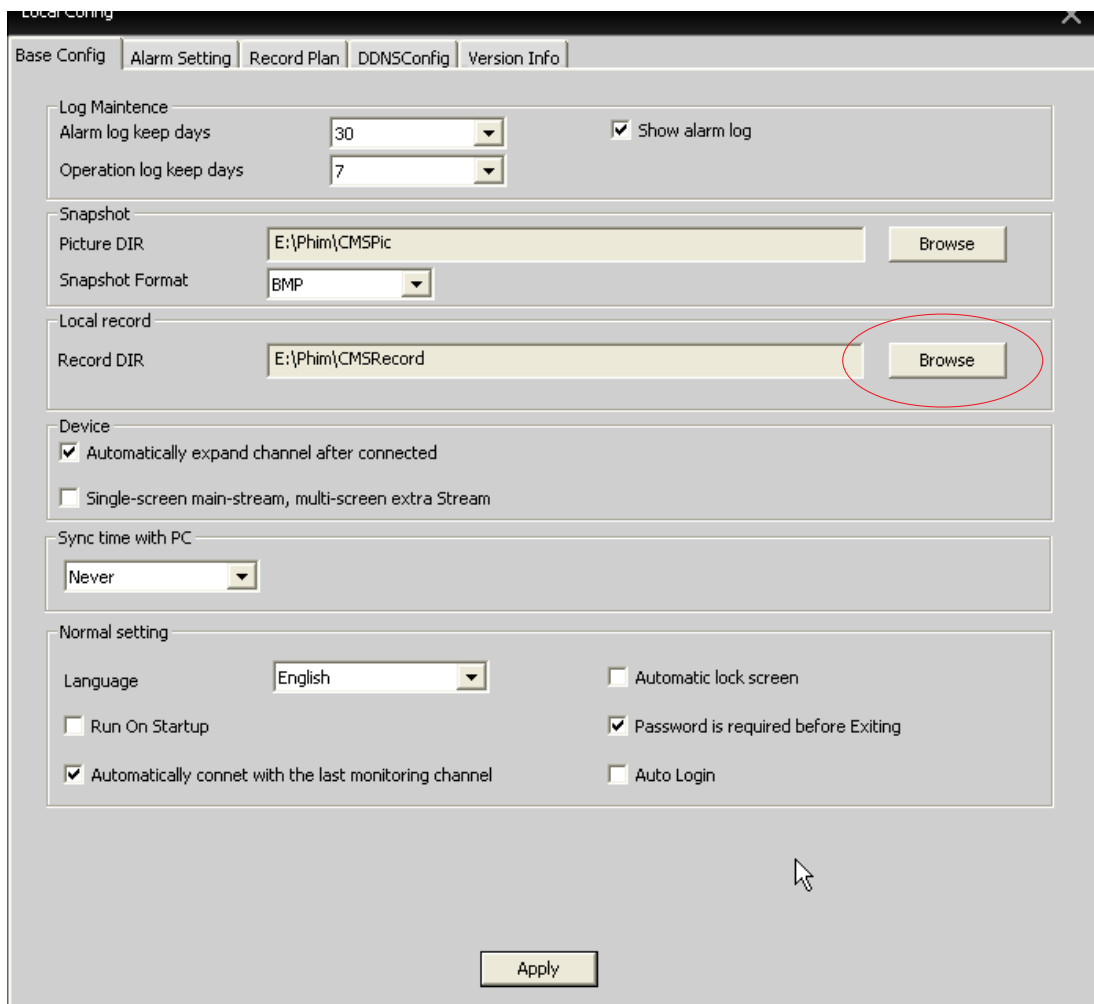
- ➔ Nhập xong, nhấn nút [OK] để lưu và trở lại cửa sổ [Device Manager].
- ➔ Click [OK] để trở lại cửa sổ chính.

17.4- Thực hiện kết nối

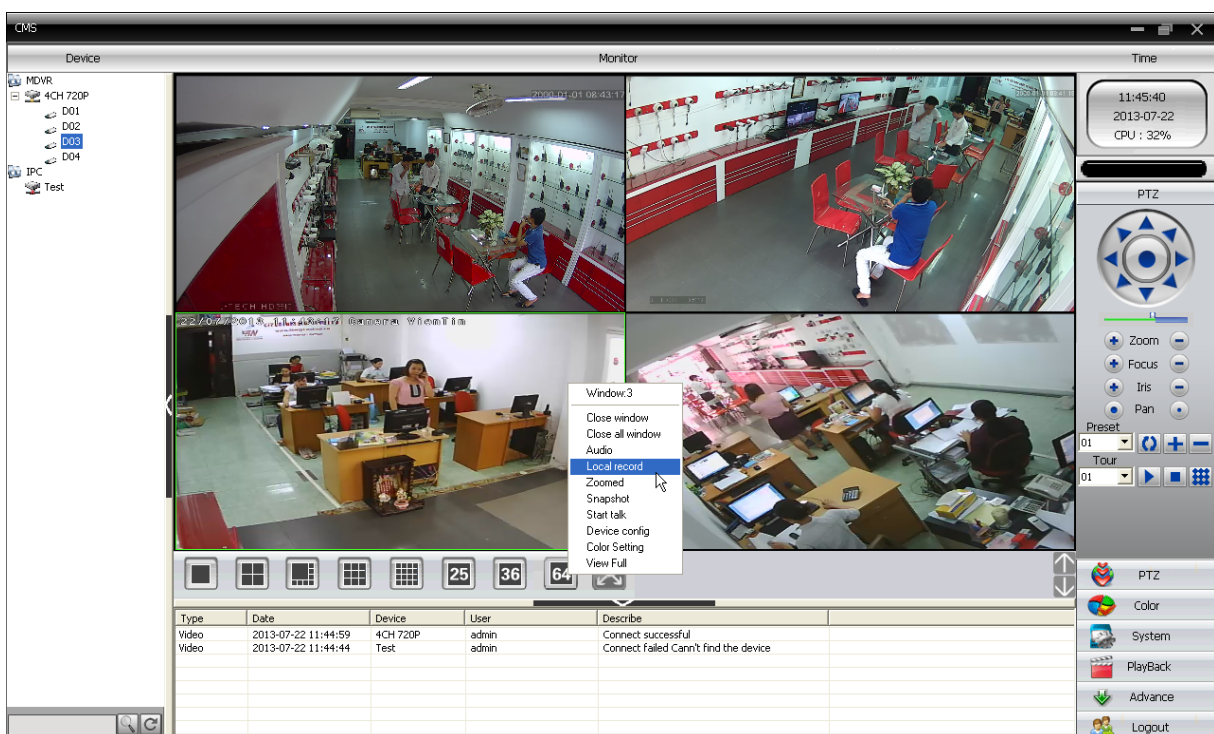
- ➔ Click đôi vào tên NVR cần kết nối. Nếu kết nối thành công thì danh các IPC của NVR sẽ hiển thị .
- ➔ Click chuột phải vào tên Nhóm, menu tắt sẽ hiển thị ➔ Click chọn [Connect All Video (main stream)]. Tất cả các IPC sẽ hiển thị hình ảnh.

17.5- Lưu hình ảnh của NVR lên ổ cứng của máy tính

- ➔ Thực hiện kết nối NVR.
- ➔ Chọn vị trí trên ổ cứng để lưu : Click nút [System] ➔ Click nút [Local config] ➔ Click nút [Browser] của khung Local Record ➔ chọn vị trí trên ổ cứng để lưu ➔ click nút [Apply] để lưu .



➔ Muốn ghi hình IPC nào thì click chuột phải lên khung hình của IPC rồi chọn Local Record.



17.6- Bật chế độ tự động kết nối tất cả NVR khi phần mềm chạy

→ Trong cửa sổ chính , click nút [System] → click nút [Local Config] → Đánh dấu chọn vào mục [Automatically connect with the last monitoring channel] → click nút [Apply] để lưu .

The screenshot shows the 'Local Config' window with the following sections and settings:

- Log Maintenance:**
 - Alarm log keep days: 30
 - Operation log keep days: 7
 - ☒ Show alarm log
- Snapshot:**
 - Picture DIR: E:\Phim\CMSPic
 - Snapshot Format: BMP
 - Browse button
- Local record:**
 - Record DIR: E:\Phim\CMSRecord
 - Browse button
- Device:**
 - ☒ Automatically expand channel after connected
 - ☐ Single-screen main-stream, multi-screen extra Stream
- Sync time with PC:**
 - Never
- Normal setting:**
 - Language: English
 - ☐ Run On Startup
 - ☒ Automatically connect with the last monitoring channel (circled in red)
 - ☐ Automatic lock screen
 - ☒ Password is required before Exiting
 - ☐ Auto Login

An 'Apply' button is located at the bottom center of the window.